CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI GIÀ Ở NHẬT BẢN

Nghiên cứu liên quan đến người già ngày nay đang là chủ đề được quan tâm nhiều trên thế giới. Để đánh giá trình độ phát triển của một quốc gia, ngày nay không chỉ đơn thuần căn cứ vào mức độ phát triển kinh tế, mà còn được dựa vào các tiêu chí thuộc về văn hoá, xã hội... trong đó vấn đề phúc lợi xã hội, đặc biệt các chế độ phúc lợi xã hội đối với người già là một trong những tiêu chí rất có ý nghĩa. Để tìm hiểu vấn đề này, cần phải xem xét thực trạng người già và các hình thức và biện pháp phúc lợi với đối tượng này ở những quốc gia dân số già điển hình như Nhật Bản.

Thực trạng người già ở Nhật Bản đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi xã hội phải quan tâm thích đáng với đối tượng dân cư này. Ở Nhật Bản việc xã hội chăm sóc người già chủ yếu do nhà nước và xí nghiệp là chính và được thực hiện thông qua hoạt động bảo hiểm xã hội và các dịch vụ xã hội.

Bảo hiểm xã hội đối với người già bao gồm hai nội dung cơ bản là trợ cấp hưu trí và chăm sóc sức khoẻ. Còn dịch vụ phúc lợi được chia làm hai tuyến: các dịch vụ dành cho những người già sống ở nhà dưỡng lão và dịch vụ tại nhà.

1. Bảo hiểm xã hội đối với người già

Có thể nói hệ thống bảo hiểm ở Nhật Bản rất phức tạp. Riêng đối với trợ cấp hưu trí cũng có hàng loạt luật qui định chi tiết cụ thể khác nhau, mà ngay cả đối với người Nhật đôi khi cũng là khó hiểu cặn kẽ. Thực trạng này được qui định bởi lịch sử phát triển của chế độ hưu trí ở Nhật. Chế độ hưu trí Nhật Bản ngày nay thừa kế những di sản được hình thành từ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, và các chế độ mới được hình thành bổ sung sau chiến tranh thế giới lần thứ II. Theo qui định chung thông thường khi người lao động dù ở các xí nghiệp tư nhân hay nhà nước khi về hưu đều nhận được trợ cấp hưu trí. Trợ cấp hưu trí có thể trả dần nhiều lần hoặc cũng có thể trả một lần. Điều này một mặt phụ thuộc vào số năm làm việc của người về hưu, mặt khác phụ thuộc vào nơi làm việc cũng như quĩ bảo hiểm mà người đó tham gia. Thực tế, các xí nghiệp nhỏ thường trả một lần, các xí nghiệp lớn có nguồn tài chính vững chắc hơn sẽ thực hiện kết hợp cả hai hình thức nói trên.

Mức tiền trợ cấp một lần khi về hưu được tính bằng tổng tiền lương tháng khi thôi việc (L) nhân với số năm công tác liên tục (N). Nếu N lớn hơn 10 và nhỏ hơn 20 năm thì mức trợ cấp được nhân với hệ số thâm niên l,1, nếu N lớn hơn 20 có nghĩa rằng có từ 21 năm công tác liên tục trở lên thì sẽ được nhân với

hệ số 1,2. Đối với những người hưởng lương hưu trả nhiều lần, mức tính cơ bản khác đối với từng quĩ bảo hiểm mà người đó tham gia. Trong đó mức đóng bảo hiểm và khả năng tài chính của quĩ là những tiêu chí quan trọng. Chẳng hạn, có thể nêu cách tính tiền hưu (năm 1988) được xác định với quĩ hưu trí quốc gia là:

$$\frac{627.200 \text{ yên X (số tháng đóng góp + Số tháng được miễn đóng góp/3)}}{480}$$

Trong khi đó mức tiền hưu đối với quĩ hưu trí những người làm thuê lại được xác định theo mức:

Mức lương trung bình tháng X 7,5/1000 x số tháng tham gia hội hưu trí X tỷ lệ điều chỉnh giá cả tiền dùng + tiền hưu cho những người ăn theo.

Ở Nhật Bản mức tuổi về hưu cũng có nhiều qui định khác nhau. Vào cuối thế kỷ 19, khi đó tuổi thọ của người dân còn thấp (nữ 45, nam 43 tuổi), vì vậy mức tuổi về hưu qui định là 55. Điều này cũng có nghĩa rằng, trên thực tế người đủ tuổi về hưu không phải phổ biến, người lao động thực sự là những người làm thuê suốt đời. Những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ II có nhiều quĩ bảo hiểm qui định tuổi nghỉ hưu khác nhau, song đều theo xu hướng nâng cao hơn trước. Cụ thể là đối với công chức thường là 55 tuổi, các công nhân xí nghiệp là 60 tuổi, còn nông dân là 65 tuổi.

Sau chiến tranh ở Nhật Bản không có chế độ về hưu thống nhất. Hệ thống hưu trí ở Nhật Bản bao gồm nhiều quĩ khác nhau hướng đến các tầng lớp dân cư nhất định. Có thể nêu ra một số loại qui định sau:

Quĩ bảo hiểm với tên gọi "*các hiệp hội tương trợ*" hình thành ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ II gắn liền với việc cải tổ chế độ hưu trí đối với công chức nhà nước và sĩ quan quân đội. Quĩ này hướng đến tầng lớp có thu nhập cao trong số những người lao động làm thuê như viên chức chính quyền các cấp, các thuỷ thủ, giáo sư đại học và những người lao động trong các cơ sở nhà nước. Hạn mức đóng góp bảo hiểm từ 10 - 16% lương tháng. Ngoài ra nhà nước còn đảm bảo 15 - 18% tổng mức trả tiền hưu của quĩ. Với nguồn tài chính như vậy quĩ này đã xác lập mức lương hưu khá cao, chẳng hạn những năm 80 mức lương hưu trung bình của người già trước đây là thủy thủ ở mức hơn 100.000 yên/tháng.

"*Quĩ hưu trí phúc lợi*" hình thành năm 1991 hướng tới những người lao động làm thuê, những người làm việc trong các xí nghiệp tư nhân có số lao động không ít hơn 5 người. Đây là quĩ có số người tham gia bảo hiểm đông nhất (chiếm 45% tổng số người tham gia bảo hiểm hưu trí). Nguồn tài chính của quĩ

này do sự đóng góp bình quân của những người tham gia bảo hiểm cùng các chủ xưởng sản xuất. Nhà nước cũng tham gia đóng góp 20% tổng mức trả tiền hưu không phụ thuộc vào số lượng người tham gia bảo hiểm. Nhìn chung, những người tham gia quĩ này đều có mức thu nhập thấp, vì vậy mức đóng góp không cao và mức tiền hưu cũng không lớn, khoảng 75.000 yên/tháng cho mỗi người.

Quĩ "*hưu trí quốc dân*" là quĩ bảo hiểm rộng rãi cho những người đang làm việc trong nông nghiệp, trong các xí nghiệp nhỏ, kể cả các xí nghiệp nhỏ tư nhân bao gồm các thành viên trong gia đình. Ở quĩ này có hai chế độ: bảo hiểm và giúp đỡ vật chất. Theo chế độ bảo hiểm của quĩ tuổi hưu là 65 (cao nhất trong các quĩ) và thời gian bảo hiểm phải đạt 25 năm. Những người tham gia bảo hiểm ở quĩ quốc dân có mức thu nhập thấp nhất trong xã hội. Hơn nữa số người tham gia quĩ này cũng rất đông, tương ứng quĩ hưu trí phúc lợi, nhưng chỉ có 1/3 số người tham gia bảo hiểm có nguồn thu độc lập từ lao động làm thuê, số còn lại chủ yếu là phụ nữ, thu nhập thất thường, thậm chí không có thu nhập phải dựa vào sự giúp đỡ của người thân để đóng phí bảo hiểm (khoảng 5000 yên/tháng). Nhà nước tham gia bảo đảm 1/3 tổng mức trả tiền hưu của quĩ. Với nguồn tài chính eo hẹp như vậy quĩ này không cho phép xác lập mức tiền hưu cao như các quĩ trên. Vào đầu những năm 80 mức trung bình tiền hưu thuộc quĩ này không quá 25.000 yên/tháng.

Bên cạnh chế độ bảo hiểm, trong quĩ quốc dân tồn tại chế độ giúp đỡ vật chất nhằm bảo đảm mức thu nhập tối thiểu cho tất cả mọi người không có khả năng lao động, không phụ thuộc vào bất cứ điều kiện gì. Thực chất đây là chế độ dành cho những người nghèo khổ không đủ khả năng đóng góp mức bảo hiểm qui định. Ở Nhật Bản những năm 80 có khoảng 20% người nghỉ hưu (thường là những người nhận trợ cấp một lần khi nghỉ việc) hưởng theo chế độ giúp đỡ vật chất.

TTBD ĐBDC

Nói tóm lại các quĩ bảo hiểm hưu trí ở Nhật Bản rất khác nhau về đối tượng, độ tuổi, mức đóng góp, mức chi trả... Song với mức tiền hưu theo qui định như vậy là quá ít, khó có thể bảo đảm cuộc sống khi về già. Theo tài liệu của chính phủ Nhật Bản mức tiền hưu trung bình cho đại đa số công nhân của các xí nghiệp tư nhân vào năm 1976 chỉ bằng khoảng 42% tiền lương trung bình của họ khi còn đang làm việc. Đối với những người nhận từ các quĩ "hiệp hội tương trợ" là quĩ có mức tiền hưu cao nhất, cũng chỉ đảm bảo 88% mức sống tối thiểu hàng tháng; đối với mức quĩ hưu trí phúc lợi toàn dân bảo đảm được 66%, còn mức quĩ hưu trí quốc gia chỉ đảm bảo được 15-20%[1](1.Annual Report on

Natural Life, 1980. The Changing society and How People are Facing it. Economic Planning Agency, Japanese Government 1981, tr.203)

Điều đáng chú ý là, mặc dù mức tiền hưu còn thấp, song đại đa số người già ở Nhật Bản vẫn phải dựa vào đồng lương hưu, xem đây là nguồn đảm bảo chính cho cuộc sống của mình. Có tới 52,1% người già ở độ tuổi 65-74 và 65%[2] (2. I.A. Latusev: Vấn đề bảo đảm vật chất cho người có tuổi ở Nhật Bản, Nhật Bản 1983, NXB Khoa học M.1984) người ở độ tuổi từ 75 trở lên xem tiền hưu là nguồn thu chính để trang trải cuộc sống cá nhân.

Đứng trước thực tế như vậy, chính phủ Nhật Bản đã phải tiếp tục xem xét, cải cách chế độ hưu trí. Tiếp theo cuộc cải cách vào năm 1961 cho phép mọi người dân có 20 năm cống hiến đều có thể hưởng quyền lợi về hưu. Năm 1973 cuộc cải cách tập trung vào mở rộng diện bảo hiểm, đơn giản hoá điều kiện cung cấp tiền hưu và nâng cao mức thu nhập cho những người về hưu. Có thể nói sau mấy chục năm phát triển, Nhật Bản đã trở thành quốc gia hùng mạnh có đủ các điều kiện để giải quyết các vấn đề xã hội. Mục tiêu cải cách lần này là đưa thu nhập của người về hưu lên đạt 60% mức lương tiêu chuẩn hàng tháng của những người còn đang làm việc.

Với việc tăng mức lương hưu và sự tăng lên của số người đã dẫn đến tỷ lệ tiền hưu trong thu nhập quốc dân tăng lên. Năm 1970 phần dành cho trả lương hưu đối với người già đạt 0,42% thu nhập quốc dân năm 1975 là 1,75% và 1981 là 2,86%.

Do sự tăng lên của lạm phát, thu nhập của người già vốn đã không đủ đảm bảo cuộc sống lại càng bị giảm bớt. Hơn nữa do sự tồn tại của nhiều chế độ hưu trí khác nhau dẫn đến thu nhập của bản thân người về hưu cũng rất khác nhau. Tiền lương khi làm việc và lương khi về hưu cũng có sự chênh lệch đáng kể. Đó có thể được xem là những vấn đề nổi cộm của chế độ hưu trí ở Nhật Bản. Cuộc cải cách năm 1984, tiếp sau là năm 1986 chính là nhằm phần nào giải quyết những vấn đề đó, đặc biệt sự chênh lệch thu nhập giữa các chế độ, giữa những người còn đang làm việc và những người đã có quá trình lâu dài đóng góp cho đất nước nay đã nghỉ hưu. Những cuộc cải cách này nhằm tạo lập một hệ thống lương hưu thống nhất dựa trên cơ sở quĩ hưu trí quốc dân. Chính phủ hy vọng qua cải cách sẽ đưa mức lương hưu đạt xấp xỉ 70% tiền lương cơ bản trung bình của công nhân nam.

Một trong những nét đáng chú ý của cuộc cải cách những năm 80 là xác lập quyền hưu trí của người vợ không làm việc của những người lao động làm thuê. Nếu như trước đây người vợ không đi làm chỉ có thể được bảo hiểm trong

trường hợp người chồng về hưu, hoặc phải gia nhập vào hội hưu trí quốc gia. Vấn đề đặt ra, nếu không tham gia hội hưu trí quốc gia và vợ chồng ly dị thì người vợ không được lương trợ cấp hưu trí. Với cuộc cải cách này cho phép tất cả những người lao động làm thuê và vợ con đều được nhận một khoản tiền hưu trí cơ bản hay còn gọi là tiền ăn theo. Những khoản chi phí này do chính những người lao động, và bản thân những người tham gia quĩ đóng góp.

Mặc dù chế độ hưu trí Nhật Bản luôn được cải cách, song nhìn chung mức lương hưu của người già vẫn còn thấp so với nhu cầu cuộc sống và so với một số quốc gia phát triển khác. Điều này được thể hiện ở phần thu nhập quốc dân dành cho bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ này ở Nhật Bản thuộc vào loại thấp, trong khi tỷ lệ người già ở nước này lại vào mức cao nhất. Đây chính là mâu thuẫn và là nhiệm vụ đặt ra đối với cải cách chế độ lương hưu.

Bảng 1: So sánh tỷ lệ phần trăm của bảo hiểm xã hội trong thu nhập quốc dân

Năm	Thụy Điển	Pháp	Đức	Anh	Mỹ	Nhật Bản
1977	30[b]	27[a]	30	20[b]	15	13,5[c]
1986	39,7	36,1	29,1	25,0	15,2	14[d]

Nguồn: Bộ Y tế và phúc lợi; a- năm 1975, b-1976, c-1989, d-1989

Theo một tính toán để một cặp vợ chồng hưu trí ở Nhật Bản ngày nay có thể sống tương đối thoải mái cần có 378.000 yên/tháng[1] (1. Japan pictorial số 3/96). Như vậy rõ ràng nếu chỉ dựa vào tiền hưu là không đủ đảm bảo cuộc sống.

2. Chăm sóc y tế và các dịch vụ phúc lợi cho người già

Quan điểm về chăm sóc người già và phát triển các dịch vụ phúc lợi dành cho người già gắn liền với sự phát triển kinh tế và những thay đổi về mặt cơ cấu xã hội Nhật Bản sau chiến tranh. Đó chính là tỷ lệ người già ngày càng tăng trong xã hội và thành tựu của sự phát triển kinh tế. Chính sự phát triển kinh tế cho phép xã hội có điều kiện quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề xã hội nói chung và đến cuộc sống người già nói riêng.

Năm 1963 Nhật Bản đã thông qua luật phúc lợi người già. Theo luật này người già có quyền được hưởng một cuộc sống thoải mái sau một thời gian dài cống hiến cho xã hội. Xã hội phải có trách nhiệm đảm bảo cho người già các điều kiện để hoà nhập vào cuộc sống chung của cộng đồng. Mặt khác đạo luật

TTBD ĐBDC

này cũng khuyến khích sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau của bản thân người già và sự phối hợp trách nhiệm gia đình - địa phương – quốc gia.

Với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế trong thập niên 60 đã cho phép Nhật Bản thực hiện chăm sóc miễn phí cho người già. Việc thông qua điều luật miễn phí này vào năm 1974 đánh dấu một sự cố gắng, một bước tiến đáng kể đối với công việc chăm sóc sức khoẻ cho người già. Tuy nhiên, bước sang thập kỷ 80, nền kinh tế bắt đầu giảm nhịp độ tăng trưởng, ảnh hưởng mạnh đến phần thu của ngân sách quốc gia. Mặt khác cùng với thời gian số lượng người già tăng lên cũng làm phình to khoản tiền trợ cấp hưu trí và dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng. Hơn nữa do không mất tiền chữa trị đã đưa đến hiện tượng lạm dụng nằm viện, gây ra sự quá tải trong các bệnh viện. Khắc phục tình trạng này, năm 1983 chính phủ đã xoá bỏ chế độ chữa bệnh miễn phí hoàn toàn đối với người già.

Đánh giá chế độ này có nhiều ý kiến trái ngược nhau. Song cho dù ý kiến thế nào thì trên thực tế cuộc sống người già bao giờ cũng khó khăn hơn. Vì đối với người già, cùng với ăn uống, thì chi phí cho chữa bệnh luôn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu chi tiêu. Bên cạnh việc xoá bỏ miễn phí hoàn toàn cho chữa bệnh người già, chính phủ cũng thay đổi quan điểm trong chăm sóc y tế. Từ việc chú trọng tập trung các điều kiện cho chữa trị sang hướng phòng bệnh là chính. Tháng 2 năm 1983 luật về quan tâm đến sức khoẻ người có tuổi được triển khai trên phạm vi toàn quốc. Mục đích luật này là cải thiện hơn nữa sức khoẻ và phúc lợi cho người có tuổi trên cơ sở triển khai chương trình chăm sóc sức khoẻ toàn diện nhằm ngăn chặn bệnh tật đối với đối tượng này. Cụ thể chính phủ đã triển khai các việc như: xuất bản sách giáo khoa về sức khoẻ, tiến hành giáo dục sức khoẻ, tổ chức trao đổi, hội thảo về bảo vệ sức khoẻ... (Xem Sơ đồ 1).

TTBD ĐBDC

Dưới hoặc bằng 40 tuổi

Trung tâm y tế thành phố trung tâm y tế cộng đồng

Dưới hoặc bằng 70 tuổi

Cơ sở chăm sóc sức khỏe thuộc bảo hiểm y tế cho người già

Bệnh nhân thanh toán (Vốn cho trả của Hiệp hội bảo hiểm y tế quốc gia)

Dịch vụ y tế

Sách hướng dẫn giữ gìn, giáo dục sức khỏe, tư vấn y tế

Kiểm tra sức khỏe

Phục Hồi

Tư vấn tại gia

Chăm sóc sức khỏe

Đóng góp

Chính phủ Nhật Bản

Đóng góp

Chính quyền địa phương

Đóng góp

Quỹ thanh toán lệ phí y tế, xã hội

TT chăm sóc và bảo hiểm y tế

Cơ quan y tế cộng đồng

Dịch vụ bảo hiểm y tế dành cho người cao tuổi

Lệ phí cho việc thanh toán tiền điều trị y tế và điều trị y tế theo cơ sở

Bảo hiểm y tế quốc gia

Hiệp hội trợ giúp địa phương

Bảo hiểm ngư dân

Bảo hiểm y tế nằm dưới sự quản lý của chính quyền địa phương

Bảo hiểm y tế nằm dưới sự giám sát của chính phủ

TTBD ĐBDC

Các chi phí cho triển khai các chương trình trên được chính phủ và địa phương cùng phối hợp đóng góp. Người già chỉ phải trả một phần chi phí kiểm tra sức khỏe và chữa trị. Đối với bệnh nhân ngoại trú phải trả 1000 yên/tháng và nếu nằm viện phải trả 700 yên/ngày (mức năm 1994). Mức này được điều chỉnh hàng năm theo sự thay đổi của chỉ giá tiêu dùng.

Ở Nhật Bản để đảm bảo chăm sóc sức khoẻ cho người già chính phủ phối hợp với các chính quyền địa phương tiến hành hàng loạt biện pháp. Trước hết phải kể đến là xây dựng các trung tâm sức khỏe cho người già. Trung tâm này tiến hành giáo dục sức khoẻ và tổ chức kiểm tra sức khoẻ định kỳ. Bên cạnh hệ thống này từ năm 1978 ở Nhật Bản đã hình thành hệ thống y tế công cộng bao phủ hầu khắp các địa phương để thực hiện công tác chăm sóc y tế nói chung. Thứ hai là, tổ chức các hoạt động khuyến khích rèn luyện bảo vệ sức khoẻ. Năm 1988 Bộ Y tế và phúc lợi Nhật Bản đã xây dựng "kế hoạch sức khoẻ cho người 80 tuổi" kế hoạch này nhằm động viên người già tham gia vào các hoạt động xã hội và tự bảo vệ sức khoẻ. Kế hoạch đã tập trung chú ý vào các hoạt động nghỉ ngơi, rèn luyện thể dục và bảo đảm các chất dinh dưỡng. Về mặt tổ chức đã hình thành nhiều dạng câu lạc bộ tuổi già hoặc các hội hưu trí. Ví dụ Hiệp hội dịch vụ hưu trí Nhật Bản (JASS) hằng năm tổ chức trên 1000 các cuộc gặp gỡ vui chơi, trao đổi học tập, thu hút tới 40.000 người tham dự. Các hoạt động ở câu lạc bộ người già, các tổ chức tình nguyện được người già tổ chức rất phát triển ở Nhật Bản. Ước chừng 40% dân số trên 60 tuổi là thành viên ở 130.000 câu lạc bộ. Ngoài ra còn có các biện pháp riêng để chăm sóc sức khoẻ các đối tượng mất trí, người mắc bệnh kinh niên, lây truyền...

Hệ thống bảo hiểm y tế ở Nhật Bản những năm gần đây phát triển khá mạnh đã đóng góp tích cực vào việc chăm sóc sức khoẻ cho người già. Đây là một trong những nhân tố góp phần nâng cao tuổi thọ cho người dân. Tuy nhiên, gắn liền với quá trình tăng tuổi thọ nhu cầu chăm sóc người già ngày càng tăng và rất đa dạng. Thực tế không phải lúc nào người già cũng ốm và nằm bệnh viện, song cuộc sống thường ngày của họ lại rất cần sự giúp đỡ phục vụ các nhu cầu bình thường. Chính vì điều đó đã hình thành nên hệ thống các dịch vụ phúc lợi cho người già.

Dịch vụ phúc lợi cho người già ở Nhật Bản được thực hiện với nhiều hình thức khá phong phú. Đáng chú ý nhất của dịch vụ phúc lợi này là hệ thống dịch vụ tại gia. Đây là một hình thức vừa phát huy được khả năng hỗ trợ của nhà nước với tiềm năng của bản thân gia đình người già và cũng là hình thức được

nhiều người có tuổi ở Nhật Bản hưởng ứng vì nó vẫn đảm bảo cho họ được sống trong bầu không khí gia đình.

- Hình thức cử người đến giúp đỡ tại nhà.

Thực ra, hình thức dịch vụ phúc lợi này đối với người già bị mắc bệnh tâm thần và những người không có khả năng hoạt động đã được tiến hành từ năm 1963. Dần dần dịch vụ này được thực hiện cả với những gia đình người già gặp khó khăn trong cuộc sống (những người có thu nhập thấp không phải nộp thuế) với hình thức miễn phí. Từ năm 1982 hệ thống dịch vụ này được áp dụng đối với tất cả những người già có nhu cầu sử dụng dịch vụ tại gia. Tuy nhiên, đối với những người thuộc diện này phải trả tiền cho các dịch vụ yêu cầu. Mức dịch vụ tính theo giờ lao động từ 250 yên đến 900 yên tuỳ thuộc vào mức thu nhập cao hay thấp của người chủ gia đình thuê dịch vụ. Các nhân viên thực hiện dịch vụ giúp đỡ tại nhà bắt buộc phải trải qua những khoá đào tạo nghiệp vụ trước khi nhận việc. Mức tối đa là 360 giờ cho những người thực hiện các dịch vụ giúp đỡ phức tạp, và 90 giờ cho những người sẽ giúp những cụ già bị bại liệt, 40 giờ cho những người sẽ giúp đỡ việc vặt trong nhà.

Nhằm khuyến khích các hoạt động này, các tổ chức phúc lợi đã ban hành qui chế giám sát và phối hợp công việc giữa người nhận dịch vụ - người thực hiện dịch vụ và tổ chức đứng ra thực hiện dịch vụ. Các nhân viên được tổ chức thành các đội, có sự trao đổi học tập nâng cao chất lượng phục vụ. Những nhân viên này khi thôi việc cũng được hưởng các chế độ phụ cấp cứu trợ. Do nhu cầu loại dịch vụ này ngày càng tăng gắn liền với sự tăng lên của người già cùng với sự khuyến khích phát triển của nhà nước cho nên loại hình này rất phát triển. Cuối những năm 80 có tới 90.000 hộ gia đình người già và tàn tật đã nhận được dịch vụ này. Do vậy, số nhân viên thực hiện dịch vụ này cũng không ngừng tăng lên để kịp đáp ứng nhu cầu. Năm 1989 có 31.405 người, năm 1990 - 35.905, năm 1991 - 40.905, năm 1992 - 46.405, năm 1993 - 53.402, năm 1994 - 59.005[1] (1. Ministry of Health and Welfare, và YOKO Shoji: Lý luận phúc lợi xã hội Nhật Bản. tr.399).

TTBD ĐBDC

- Dịch vụ giúp đỡ ngắn ngày.

Dịch vụ này nảy sinh do các thành viên trong gia đình có người già, nhất là những gia đình có người già tàn tật, do bận bịu hoặc ốm đau... không thể tiếp tục chăm sóc những người già trong một thời gian nhất định. Khi đó những người già được chuyển đến nhà chăm sóc tạm thời. Theo qui định thời gian lưu lại nhà chăm sóc này thông thường khoảng một tuần, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài thêm thời gian.

Dịch vụ nghỉ ngắn ngày ngoài việc chăm sóc người già còn tiến hành các hoạt động hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cho các thành viên trong gia đình có người già bị khuyết tật. Từ năm 1989 trong chương trình của loại dịch vụ này triển khai thêm hoạt động chăm sóc ban đêm chủ yếu dành cho những người già bị khuyết tật, bị xuất huyết não. Cũng như các hình thức hoạt động khác, nhu cầu của xã hội đến với hoạt động này ngày một tăng và vì vậy các cơ sở để thực hiện dịch vụ cũng được cải thiện và mở rộng. Năm 1990 loại dịch vụ nghỉ ngắn ngày đã thiết lập được khá nhiều cơ sở với tổng số giường 7.174; năm 1991 - 11.674 giường, năm 1992 - 15.674, năm 1993 - 19.674 giường, năm 1994 - 124.274 giường.

- Dịch vụ giúp đỡ ban ngày

Đây là loại dịch vụ nhằm giảm bớt gánh nặng đối với các thành viên trong gia đình có người già phải chăm sóc và cũng là để tạo cho người già điều kiện sống hoà đồng, duy trì chức năng thần kinh và tăng cường sức khoẻ, hạn chế bệnh tật, đau ốm.

Dịch vụ ban ngày là loại hình tổng hợp bao gồm giúp đỡ tắm rửa, nuôi dưỡng, tư vấn cuộc sống đời thường và hướng dẫn cách thức chăm sóc người già... Dịch vụ này hình thành năm 1981. Người già định kỳ tự đến các trung tâm dưỡng lão 1 đến 2 lần trong tuần để nhận các dịch vụ trên. Đến năm 1986 loại hình dịch vụ này được kết hợp tiến hành tại nhà để giảm sự đi lại đối với người già. Tùy theo mức độ yêu cầu mà loại hình dịch vụ được cung cấp ở các mức độ khác nhau (như cần chăm sóc kỹ hay giản đơn, hoặc giúp đỡ sinh hoạt bình thường...)

Để hỗ trợ thực hiện tốt loại hình dịch vụ này, các trung tâm hỗ trợ chăm sóc tại nhà được thành lập. Các trung tâm thực hiện tư vấn sức khoẻ, giúp người già có thể tự điều trị tại nhà mà không cần đến bệnh viện.

Chương trình giúp đỡ ban ngày nhận được sự ủng hộ của xã hội. Bởi vì chương trình này trên thực tế đã góp phần quan trọng làm giảm gánh nặng tài chính và tinh thần cho các gia đình, đồng thời người già cũng thấy thoải mái hơn vì vẫn ở gần gia đình mình. Số trung tâm thực hiện loại hình dịch vụ này không ngừng tăng lên.

Năm 1990 có 1.780 cơ sở, năm 1991 - 2.630, năm 1992 - 3.480, năm 1993 - 4.330, năm 1994 - 5.180. Bên cạnh đó số trung tâm tư vấn hỗ trợ cho loại hình dịch vụ ban ngày cũng tăng nhanh. Năm 1990 có 300 trung tâm, năm 1991 - 700, năm 1992 - 1.200, năm 1993 - 1.800; năm 1994 - 2.400.

Với số trung tâm tăng nhanh như vậy, nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng trong xã hội. Vì vậy, kế hoạch trong tương lai nhà nước tiếp tục phát triển mạnh loại hình dịch vụ này.

Dịch vụ giúp đỡ vật chất.

Loại hình dịch vụ này chủ yếu dành cho người già cô đơn, có thu nhập thấp. Thông thường đó là việc cho thuê, hoặc cấp các dụng cụ gia đình, các trang thiết bị sinh hoạt cá nhân, cũng có thể là một khoản tiền cho vay với lãi suất thấp để các cụ cải thiện điều kiện sinh hoạt. Mức phí trả cho loại hình dịch vụ này cũng tùy thuộc vào mức thu nhập của chủ hộ gia đình. Đối với gia đình nghèo đang hưởng trợ cấp theo luật đảm bảo cuộc sống, và những gia đình không phải đóng thuế thu nhập thì được nhận dịch vụ này miễn phí. Nếu mức thuế thu nhập hàng năm của hộ gia đình dưới 140.000 yên thì phải đóng tối đa là 52.400 yên. Nếu thuế thu nhập cao hơn nữa thì phải trả 100% phí dịch vụ.

Ngoài hệ thống dịch vụ tại nhà như trên, ở Nhật Bản còn hình thành mạng lưới dưỡng lão đường phục vụ các đối tượng người cao tuổi. Có thể kể ra một số loại hình dưỡng lão sau:

+ Nhà dưỡng lão đặc biệt

Đây là loại hình dịch vụ giành cho những người già trên 65 tuổi có hoàn cảnh đặc biệt: tâm thần, bệnh tật, liệt... hoặc cô đơn, hoặc con cái không thể đáp ứng việc trông nom. Để vào nhà dưỡng lão đặc biệt phải có sự giới thiệu của các đơn vị chính quyền sở tại. Ngoài chi phí do cá nhân và gia đình đóng góp trên cơ sở thu nhập bản thân, các chi phí còn lại do chính quyền trung ương và địa phương đảm nhận.

Cùng với sự tăng lên của số lượng người già, số nhà dưỡng lão đặc biệt cũng tăng lên nhanh chóng. Nếu năm 1963 mới có 1 cơ sở thì năm 1970 tăng lên 152; năm 1980 - 1031, năm 1990 - 2260, năm 1993 – 2770[1] (1. Nguồn, Bộ Y tế Nhật Bản).

Trong các kế hoạch phát triển dịch vụ phúc lợi cho người già đáng chú ý là kế hoạch dài hạn 10 năm do

Bộ Y tế và phúc lợi đưa ra năm 1989. Kế hoạch này chỉ định chi 61 tỷ đô là nhằm tăng cường các dịch vụ chăm sốc các cụ, gia tăng sức chứa của các dưỡng lão đường lên 25% để có thể phục vụ 240.000 người già yếu. Đồng thời tăng số nhân viên phục vụ lên 100.000 ngươi.

+ Nhà dưỡng lão tạm trú

Loại hình nhà dưỡng lão này mới được hình thành năm 1991. Nhà dưỡng lão loại này nhận các cụ trên 65 tuổi bị ốm yếu mà con cái không có điều kiện chăm sóc cho tới khi các cụ khỏi ốm trở về gia đình. Hình thức này giúp cho các thành viên trong gia đình có người già đau yếu không bị gián đoạn công việc trong xã hội công nghiệp hiện đại. Tính đến năm 1993 loại hình này mới thiết lập được 5 cơ sở với 224 cụ.

+ Nhà điều dưỡng dành cho người cao tuổi

Loại hình nhà dưỡng lão này khá phổ biến không chỉ ở Nhật Bản mà ở nhiều quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ đối tượng thu nhận là các cụ trên 65 tuổi có khó khăn về kinh tế hoặc trong quan hệ sinh hoạt gia đình. Thông thường người già là những người có thu nhập thấp, cuộc sống khó khăn. Nhất là sau khi nghỉ hưu thường bị mất cân bằng cả trong tâm sinh lý và thu nhập. Đây là những lý do thường dẫn đến vướng mắc trong cuộc sống gia đình và kết quả các cụ thường tìm I đến nhà dưdng ỉão. Đê nhận vào các cơ sở này cạc cụ phải đóng lệ phí và phải cố sự giới thiệu của cơ sỏ địa I phương. Hiện nay ở Nhật Bản có khoảng một nghìn Cd I sỏ thuộc loại hình này.

+ Nhà dưỡng lão với mức lệ phí vừa phải.

Người già tâm thần, tàn tật gặp khó khăn về nhà ở hoặc có mức thu nhập thấp sẽ được thu nhận vào nhà dưỡng lão loại này. Thực tế loại hình dưỡng lão này được chia thành ba cấp độ.

- Nhà dưỡng lão loại A: Các cụ trên 60 tuổi, có mức thu nhập thấp hơn 320.000 yên/tháng do vướng mắc trong sinh hoạt gia đình hoặc không có người thân. Ở đây hàng ngày các cụ được phục vụ ăn uống 3 lần trong ngày và các dịch vụ khác với mức lệ phí thấp, còn lại chính phủ và địa phương hỗ trợ thêm.

- Nhà dưỡng lão loại B. Khác với nhà dưỡng lão loại A, các cụ ở nhà dưỡng lão loại B phải tự nấu ăn cho mình. Họ có phòng riêng, bảo đảm sự độc lập.

- Loại hình thứ ba hình thành 1989, nó có chức năng giống như cơ sở chăm sóc nuôi dưỡng. Loại hình này giúp cho người già tiếp tục cuộc sống độc lập trong môi trường quen thuộc trong khi vừa tiếp nhận sự quan tâm của gia đình, vừa tiếp nhận các dịch vụ trên cơ sở cộng đồng.

+ Nhà dưỡng lão thu lệ phí

Thực chất nhà dưỡng lão thu lệ phí không phải là một hình thức của phúc lợi xã hội. Nó chính là một dạng dịch vụ dành cho người già giàu có, hoặc dành cho những đối tượng không thuộc tiêu chuẩn trong các loại nhà dưỡng lão đã

trình bày ở trên. Những người vào nhà dưỡng lão này đều phải trả tiền và nhận được các dịch vụ phục vụ ăn uống và các dịch vụ đời thường khác. Việc tổ chức các nhà dưỡng lão thuộc loại này do chính quyền địa phương đảm nhận. Trên thực tế đôi khi nhà dưỡng lão kiểu này trở thành một hoạt động kinh doanh nhằm thu lợi nhuận.

Ngoài hệ thống các nhà dưỡng lão trên, ở Nhật Bản còn hình thành nhiều dạng trung tâm phúc lợi dành cho người già nhằm tư vấn các vấn đề sức khoẻ, những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống đời thường, là nơi thực hiện các dịch vụ vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi...

Nói tóm lại vấn đề phúc lợi xã hội đối với người già ở Nhật Bản trong những năm qua có những hướng phát triển, cải thiện đáng kể cuộc sống của nhóm người này. Trong các địa phương làm tốt chương trình phúc lợi với người già phải kể đến thủ đô Tokyo. Tại đây có khá nhiều các tổ chức tư vấn, trung tâm dịch vụ cho người già. Năm 1994 có 173 trung tâm dịch vụ, năm 1995 lên 274 trung tâm. Các trung tâm này cùng với việc cử người đến phục vụ tại gia, còn thực hiện dịch vụ cho thuê các thiết bị phục vụ người già. Theo thống kê của chính quyền thành phố, năm 1994 có 22 nghìn trường hợp, năm 1995 có 24 nghìn trường hợp người già nhận được sự giúp đỡ. Số lượng nhà dưỡng lão cũng tăng lên khá nhanh, năm 1984 có 82 cơ sở, tăng lên 197 ca sở vào năm 1994[1] (1. Social Welfare in Tokyo -1995. Tokyo Metropolitan Government).

Điều đáng lưu ý là trong số các nhà dưỡng lão, số nhà do tư nhân xây dựng khá nhiều. Đặc biệt đối với loại hình nhà thu lệ phí cao hoàn toàn do tư nhân thực hiện. Như trên đã phân tích, đây thực chất là loại hình dịch vụ kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận. Ngoài những hình thức trên chính quyền còn tạo điều kiện tổ chức các câu lạc bộ giải trí, thể thao, cho vay tiền sửa chữa nhà cửa và thiết kế xây dựng những căn nhà phù hợp với điều kiện người già...

TTBD ĐBDC

Bảng 2: Các loại hình dưỡng lão cho người già ở Tokyo

Các loại hình dưỡng lão	Các loại điều kiện			Sức chứa		
	Công cộng	Tư nhân	Tổng số	Công cộng	Tư nhân	Tổng số
Nhà cho người già	5 47	29 150	34 197	1.723 4.407	3.105 13.404	4.828 17.811
Nhà nuôi dưỡng cho người già	3	10	13	360	720	1.080
Nhà nuôi dưỡng						

loại A với chi phí vừa phải	2	3	5	150	152	302
Nhà nuôi dưỡng loại B với chi phí vừa phải	0	34	34	0	3.241	3.241
Nhà với khoản chi phí lớn	57	226	283	6.640	20.622	27.262
Tổng số						

Nguồn: Social Welfare in Tokyo Metropolitan Government

Sự phát triển mạnh mẽ các dịch vụ phúc lợi ở Thủ đô là điều dễ hiểu. Bởi lẽ so với các thành phố khác, Tokyo là nơi kinh tế phát triển và tập trung nhiều cơ sở kinh tế và khoa học kỹ thuật chủ yếu. Ở Tokyo có số dân đông nhất so với các thành phố, tỉnh khác và cũng là nơi đứng đầu về chủng loại hàng hoá và dịch vụ, là một trong những trung tâm tài chính lớn nhất của thế giới. Sự phát triển mạnh mẽ này cho phép chính quyền tập trung nhiều hơn vào giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có bảo đảm cuộc sống người già.

Từ sự phân tích vấn đề già hoá và phúc lợi xã hội đối với người già ở Nhật Bản nêu trên có thể đi đến một nhận xét sau:

Hiện tại Nhật Bản chưa phải là xã hội của người già nhưng theo tốc độ già hoá cao như hiện nay, tương lai không xa một xã hội của những người cao tuổi sẽ trở thành hiện thực. Đây được xem như một thách thức đặt ra với Nhật Bản, đòi hỏi nước này phải có sự điều chỉnh cả trong quan niệm và chính sách với đối tượng người cao tuổi

- Với mục tiêu tập trung đuổi kịp phương Tây về trình độ phát triển kinh tế, Nhật Bản đã không chú ý thích đáng đến các vấn đề xã hội nói chung, đến cuộc sống của người già, người về hưu nói riêng. Chính điều này đã gây ra sự giảm sút tương đối mức sống của họ so với xã hội. Tình trạng chênh lệch thu nhập giữa các thế hệ hiện nay ở Nhật Bản khá rõ nét. Đây là một trong những vấn đề đã đặt ra đòi hỏi phải giải quyết và đồng thời cũng là một bài học để rút kinh nghiệm đối với nhiều quốc gia. Cùng với sự phát triển kinh tế, vấn đề đặt ra là phải có sự đầu tư, quan tâm thích đáng đến những người cao tuổi, những người đã có quá trình dài cống hiến cho xã hội.

- Có thể nói Nhật Bản xây dựng được chế độ bảo đảm cuộc sống người già đa tầng cấp. Song chính sự đa tầng cấp, thiếu tính hệ thống lại nảy sinh sự bất bình đẳng trong thu nhập của người già sau khi nghỉ hưu. Thu nhập cao hay thấp phụ thuộc vào nơi làm việc trước đây và quĩ bảo hiểm mà người đó tham gia.

Vậy cùng độ và năm đóng góp cho xã hội như nhau sẽ có những mức thu nhập rất khác nhau. Điều này đặt ra yêu cầu cần phải thống nhất hệ thống bảo hiểm toàn quốc. Mặc dù chính phủ đã có những cố gắng nhưng bước tiến của cải cách còn chậm chạp. Nguyên nhân cơ bản nằm chính trong cơ chế vận hành của xã hội, một xã hội làm cho số phận của mỗi người gắn liền với số phận của mỗi công ty, mỗi nhà tư bản khác nhau. Vì vậy cần có sự thống nhất giữa tư nhân và chính phủ trong quá trình cải cách.

Không chỉ chế độ bảo hiểm hưu trí chưa thống nhất mà ngay cả bảo hiểm y tế và các dịch vụ phúc lợi cũng thiếu sự phối hợp. Vấn đề hiện nay đòi hỏi phải phối hợp cả hai mặt để tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng người già tham gia bảo hiểm hoặc hưởng dịch vụ phúc lợi xã hội tương đối bình đẳng. Hiện nay trong ba bộ phận (tiền hưu - chăm sóc y tế - dịch vụ phúc lợi) cơ cấu phân chia chi phí cũng chưa hợp lý. Cùng với chuyển đổi quan điểm chữa trị sang phòng bệnh là chính thì cần phải hạn chế chi phí cho chăm sóc và chuyển sang tăng phần chi cho dịch vụ phúc lợi. Tỷ lệ hiện nay là tiền hưu 50%, y tế 40%, dịch vụ phúc lợi 10%. Trong tương lai cần tăng dịch vụ phúc lợi lên tối thiểu 20%, giảm chăm sóc y tế xuống còn 30%.

- Điều đáng chú ý nhất trong cơ chế bảo đảm cuộc sống người già ở Nhật Bản là duy trì sự phối hợp giữa vai trò cộng đồng - gia đình và cá nhân người có tuổi, mặc dù trong mỗi giai đoạn vai trò của từng bộ phận có khác nhau. Đây là điều chúng ta có thể tham khảo học tập. Nếu nhà nước chịu trách nhiệm toàn bộ thì tất yếu phải tăng thuế để tăng thu ngân sách. Sự phối hợp theo cơ chế trên vừa phát huy được vai trò của cả gia đình và sự cố gắng của người già, gắn người già không chỉ với môi trường xã hội (qua lao động và các hình thức chăm sóc và dưỡng lão) mà còn gắn người già với gia đình. Điều này phù hợp với quan niệm truyền thống và phong tục người Nhật nói riêng và của phương Đông nói chung - đó là sự chú ý đến huyết thống, dòng họ, làng xã, cộng đồng.

TTBD BBDC